TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14 -10-2019
V/v tranh chấp HNGĐ
Ly hôn, nuôi con,
chia tài sản chung, nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;

2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 434/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị Th, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Võ Duy T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Lê Thái Tr, sinh năm 1966;

2/ Lê Thị K, sinh năm 1983

3/ Cao Thị Minh H, sinh năm 1965

4/ Võ Thị H, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5/ Cao Thị Minh D, sinh năm 1984;

6/ Lê Thanh G, sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Th, anh T, bà G, bà H có mặt tại phiên tòa, bà Tr, chị K, bà H, chị D có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Trần Thị Th là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Th và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, cấp ngày 20/7/2004. Thời gian đầu, chị Th và anh T chung sống hạnh phúc. Thời gian sau, chị Th và anh T phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi về kinh tế, việc làm ăn của vợ chồng. Đến năm 2018, chị Th và anh T đi Bình Dương làm việc nhưng lại tiếp tục mâu thuẫn nên anh T về quê sinh sống. Chị Th và anh T không còn sống chung với nhau từ tháng 4 năm 2019. Nhận thấy cuộc sống không còn hạnh phúc nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Duy T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Trần Tuyết N, sinh ngày 24/9/2004 và Võ Trần Huỳnh A, sinh ngày 08/01/2012. Hiện con chung Võ Trần Tuyết N đang sống cùng anh T, con chung Võ Trần Huỳnh A đang sống cùng chị Th. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Trần Huỳnh A, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Chị Th đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con chung Võ Trần Tuyết N, chị Th không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng có nợ như sau:

Nợ bà Lê Thái Tr số tiền hụi và nợ vay là 3.700.000.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng).

Nợ bà Cao Thị Minh H số tiền nợ vay là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Nợ chị Võ Thị H số tiền vay là 2.220.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng).

Nợ chị Lê Thị K số tiền vay là 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Nợ bà Lê Thanh G số tiền 935.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Nợ chị Cao Thị Minh D số tiền 954.640.000 đồng (Chín trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Các khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng, do làm ăn thua lỗ, vay mượn nhiều lần để đóng lãi cho các chủ nợ khác, chi tiêu sinh hoạt gia đình, góp vốn để anh T làm ăn do đó yêu cầu anh T có trách nhiệm liên đới trả cho các chủ nợ các khoản nợ trên.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Võ Duy T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T thừa nhận lời trình bày của chị Th về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nhưng anh T không đồng ý ly hôn với chị Th. Yêu cầu được hàn gắn tình cảm với chị Th, cùng nhau chung sống để các con có đủ cha đủ mẹ và lo xây dựng kinh tế cùng nhau trả nợ chung.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Trần Tuyết N, sinh ngày 24/9/2004 và Võ Trần Huỳnh A, sinh ngày 08/01/2012. Hiện con chung Võ Trần Tuyết N đang sống cùng anh T, con chung Võ Trần Huỳnh A đang sống cùng chị Th. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi 02 con chung là Võ Trần Tuyết N và Võ Trần Huỳnh A, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T thừa nhận có nợ chung với chị Th gồm các khoản sau:

Nợ bà Lê Thái Tr số tiền hụi và nợ vay là 3.700.000.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng).

Nợ bà Lê Thanh G số tiền 935.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Nợ bà Cao Thị Minh H số tiền nợ vay là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Anh T đồng ý trả ½ số tiền nợ nêu trên. Trả cho bà G số tiền 467.500.000 đồng và bà H 325.000.000 đồng.

Đối với, các khoản nợ của bà Võ Thị H số tiền 2.220.000.000 đồng, bà Lê Thị K số tiền 260.0000.000 đồng, bà Cao Thị Minh D số tiền 954.640.000 đồng là nợ riêng của chị Th, anh T không biết và không đồng ý cùng với chị Th trả.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thái Tr trình bày: Chị Th và anh T có nợ của bà tổng số tiền là 3.700.000.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng). Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Bà Tr và chị Th, anh T sẽ tự thỏa thuận, sau này có tranh chấp bà Tr sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ án khác. Đồng thời, bà Tr có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Minh H trình bày:

Bà H có cho chị Th và anh T vay số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Yêu cầu chị Th phải trả cho bà số tiền là 325.000.000 đồng, anh T phải trả cho bà số tiền là 325.000.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa gười có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thanh G trình bày: Chị Th và anh T có nợ bà số tiền 935.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi lăm triệu đồng). Bà G yêu cầu Chị Th phải trả cho bà số tiền là 467.500.000 đồng, anh T phải trả 467.500.000 đồng**.**

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Cao Thị Minh D trình bày: Chị Th có nợ chị số tiền 954.640.000 đồng (Chín trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Chị và chị Th sẽ tự thỏa thuận, sau này có tranh chấp chị sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ án khác. Đồng thời, chị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị K trình bày: Chị Th có nợ của bà K số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Chị và chị Th sẽ tự thỏa thuận, sau này có tranh chấp chị sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ án khác. Đồng thời, chị K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị H trình bày:

Chị Th và anh T có nợ chị số tiền 2.220.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng).

Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Chị và chị Th sẽ tự thỏa thuận, sau này có tranh chấp chị sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ án khác. Đồng thời, chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị Th có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung chia tài sản chung và nợ chung với anh Võ Duy T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung"*.

Anh Võ Duy T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Lê Thái Tr, chị Lê Thị K, bà Võ Thị H, chị Cao Thị Minh D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th yêu cầu ly hôn với anh Võ Duy T, anh T không đồng ý ly hôn với chị Th.

Chị Th và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 20 tháng 7 năm 2004, do đó hôn nhân giữa chị Th và anh T là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn do về kinh tế và do tính tình của chị Th và anh T không phù hợp, anh T cư xử lạnh nhạt không quan tâm đến chị Th và các con. Chị Th và anh T không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2019 đến nay. Anh T không biết chị Th ở đâu làm gì cũng không liên lạc hàn gắn tình cảm. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có hành động hay đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị Th và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ

vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Th.

- Về con chung:

Chị Trần Thị Th yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung tên Võ Trần Huỳnh A, sinh ngày 08/01/2012. Đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con chung Võ Trần Tuyết N, sinh ngày 24/9/2004. Anh Võ Duy T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con chung tên Võ Trần Tuyết N, sinh ngày 24/9/2004 và Võ Trần Huỳnh A, sinh ngày 08/01/2012.

Chị Trần Thị Th và anh Võ Duy T đều không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét từ khi chị Th và anh T sống xa nhau đến nay, chị Th là người trực tiếp nuôi con chung tên Võ Trần Huỳnh A, anh T là người trực tiếp nuôi con chung tên Võ Trần Tuyết N; Tuyết N và Huỳnh A đã đi học ổn định. Cả chị Th và anh T không về chăm sóc con chung còn lại cũng như không chu cấp chi phí để nuôi con. Bên cạnh đó, tại văn bản ghi ý kiến ngày 15/8/2019, Huỳnh A có nguyện vọng được chung sống với chị Th, Tuyết N có nguyện vọng sống với anh T. Do đó, giao con chung tên Võ Trần Tuyết N, sinh ngày 24/9/2004 cho anh T và giao con chung là Võ Trần Huỳnh A, sinh ngày 08/01/2012 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Th, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

Chị Trần Thị Th, anh Võ Duy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị Th và anh T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung:

Chị Th và anh T thống nhất còn nợ bà Lê Thanh G số tiền 935.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi lăm triệu đồng). Chị Th đồng ý có trách nhiệm trả số tiền 467.500.000 đồng theo yêu cầu của bà G. Anh T đồng ý có trách nhiệm trả cho bà G số tiền 467.500.000 đồng. Xét thấy đây là sự thỏa thuận của đương sự, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị Th, anh T và bà G.

Chị Th và anh T thống nhất còn nợ bà Cao Thị Minh H số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Chị Th đồng ý có trách nhiệm trả số tiền 325.000.000 đồng theo yêu cầu của bà H. Anh T cũng đồng ý

có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 325.000.000 đồng. Xét thấy đây là sự thỏa thuận của đương sự, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị Th, anh T và bà H.

Chị Trần Thị Th trình bày vợ chồng còn nợ chị Lê Thị K số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng), chị Cao Thị Minh D số tiền 954.640.000 đồng (Chín trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), bà Lê Thái Tr số tiền 3.700.000.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng), bà Võ Thị H số tiền 2.220.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng). Chị K, chị D, bà Tr, bà H đã nhận được các thông báo của Tòa án. Tuy nhiên, chị K, chị D, bà Tr, bà H có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu thấy quyền lợi bị xâm phạm thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét các khoản nợ này. Trường hợp các bên có tranh chấp thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

- Về án phí:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì trách nhiệm chịu án phí trong vụ án được xác định như sau:

Chị Th phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp theo biên lai số 0003079, ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Th phải chịu án phí đối với trách nhiệm trả nợ cho bà G là 22.700.000 đồng và chịu án phí đối với trách nhiệm trả nợ cho bà H là 16.250.000 đồng.

Anh T phải chịu án phí đối với trách nhiệm trả nợ cho bà G là 22.700.000 đồng và chịu án phí đối với trách nhiệm trả nợ cho bà H là 16.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Th.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Võ Duy T.

- Về con chung: Chị Trần Thị Th được quyền nuôi dưỡng con chung tên Võ Trần Huỳnh A, sinh ngày 08/01/2012. Anh Võ Duy T được quyền nuôi dưỡng con chung tên Võ Trần Tuyết N, sinh ngày 24/9/2004.

Chị Trần Thị Th và anh Võ Duy T không phải cấp dưỡng nuôi do các bên không có yêu cầu.

Chị Th, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung:

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần Thị Th, anh Võ Duy T và bà Lê Thanh G. Chị Th có trách nhiệm trả cho bà G số tiền 467.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Anh T có trách nhiệm trả cho bà G số tiền 467.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần Thị Th, anh Võ Duy T và bà Cao Thị Minh H. Chị Th có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 325.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng). Anh T có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 325.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Chị Th phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp theo biên lai số 0003079, ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Th phải chịu án phí đối với trách nhiệm trả nợ cho bà G là 22.700.000 đồng và chịu án phí đối với trách nhiệm trả nợ cho bà H là 16.250.000 đồng.

Anh T phải chịu án phí đối với trách nhiệm trả nợ cho bà G là 22.700.000 đồng và chịu án phí đối với trách nhiệm trả nợ cho bà H là 16.250.000 đồng.

Bà G được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003190, ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bà H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003189, ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Minh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Minh